

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO  
Trường Đại học VinUni

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## ĐỀ ÁN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC NĂM 2020

### I. Thông tin chung

#### 1. Tên trường, sứ mệnh, địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính và phân hiệu) và địa chỉ trang thông tin điện tử của trường

##### **Giới thiệu**

Ngày 17 tháng 12 năm 2019, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt quyết định thành lập Trường Đại học VinUni (“VinUniversity”/“VinUni”) với tổng mức đầu tư 6,5 nghìn tỷ, trong đó 3,5 nghìn tỷ chi đầu tư xây dựng cơ sở vật chất và 3 nghìn tỷ dành để cấp học bổng tài năng, hỗ trợ tài chính cho sinh viên.

Trường đã chính thức được khánh thành vào đầu năm 2020, trên tổng diện tích 23 ha trong khuôn viên Đại đô thị Vinhomes Ocean Park (Gia Lâm, Hà Nội), bao gồm chín khối nhà gồm tòa nhà chính, ký túc xá, khu phức hợp thể thao, xây dựng theo các tiêu chuẩn QS năm sao của Quacquarelli Symonds – tổ chức kiểm định giáo dục hàng đầu thế giới. Cơ sở vật chất hiện đại là tiền đề quan trọng để VinUni thực hiện những phương pháp giáo dục tiên tiến nhất như học mô phỏng, học bằng thực chứng, học qua trải nghiệm, nhằm hướng tới mục tiêu trở thành một trong 50 trường Đại học trẻ hàng đầu thế giới.

##### **Sứ mệnh**

Trường Đại học VinUni có sứ mệnh đào tạo nguồn nhân lực tinh hoa, có trình độ, kỹ năng, có vốn sống và khát vọng cống hiến, nhằm đóng góp vào sự thịnh vượng của bản thân, của xã hội và tác động tích cực tới nền kinh tế tri thức toàn cầu.

**Địa chỉ:** Khu Đô Thị Vinhomes Ocean Park, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

**Cổng thông tin điện tử:** <https://vinuni.edu.vn/>

**Điện thoại liên hệ:** 024 7108 9779;

**Điện thoại tuyển sinh:** 024 7108 9779; Hotline tuyển sinh: 1800 8189.

**Email:** [admission@vinuni.edu.vn](mailto:admission@vinuni.edu.vn)

#### 2. Quy mô đào tạo chính quy

STT	Theo phương thức, trình độ đào tạo	Quy mô theo khối ngành đào tạo					
		Khối ngành I	Khối ngành II	Khối ngành III	Khối ngành IV	Khối ngành V	Khối ngành VI

#### 3. Thông tin về tuyển sinh chính quy của 2 năm gần nhất

**3.1. Phương thức tuyển sinh của 2 năm gần nhất (thi tuyển, xét tuyển hoặc kết hợp thi tuyển và xét tuyển)**

STT	Năm tuyển sinh	Phương thức tuyển sinh			Ghi chú
		Thi tuyển	Xét tuyển	Kết hợp thi tuyển và xét tuyển	
1	Năm tuyển sinh 2019				
2	Năm tuyển sinh 2018				

**3.2. Điểm trúng tuyển của 2 năm gần nhất (nếu lấy từ kết quả của Kỳ thi THPT quốc gia)**

Khối ngành /Ngành/ Nhóm ngành/ tổ hợp xét tuyển	Mã ngành	Năm tuyển sinh -2			Năm tuyển sinh -2		
		Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển	Chỉ tiêu	Số TS nhập học	Điểm trúng tuyển
Khối ngành I							
Khối ngành II							
Khối ngành III							
Khối ngành IV							
Khối ngành V							
Khối ngành VI							
Khối ngành VII							

**II. Thông tin về các điều kiện đảm bảo chất lượng**

**1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu**

**1.1. Thống kê số lượng, diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:**

- Tổng diện tích đất trường: 226,828 (~23 héc-ta)
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên (nếu có): 376
- Diện tích sàn xây dựng trực tiếp phục vụ đào tạo thuộc sở hữu của trường tính trên một sinh viên chính quy: 57m<sup>2</sup>/SV

TT	Loại phòng	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m <sup>2</sup> )
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	<b>84</b>	<b>14559</b>
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	1870
1.2	Phòng học 100-200 chỗ	1	279
1.3	Phòng học từ 50-100 chỗ	1	120
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	9	980
1.5	Số phòng học đa Phương tiện	12	2970
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	59	8340
2	Thư viện, trung tâm học liệu	<b>1</b>	<b>3270</b>

3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	4	10906
---	---	---	-------

### 1.1. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

STT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/nhóm ngành/khối ngành đào tạo
1	Phòng học Team-Based Learning (TBL)	Bục điều khiển giáo viên	Tất cả các ngành
2		Màn hình chuyên dụng 65"	Tất cả các ngành
3		Hệ thống điều khiển đa phương tiện	Tất cả các ngành
4	Giảng đường Team-Based Learning (TBL)	Máy chiếu công suất lớn (hệ 6 chiếc)	Tất cả các ngành
5		Màn chiếu 200" (6 màn)	Tất cả các ngành
6		Hệ thống điều khiển đa phương tiện	Tất cả các ngành
7	Lớp học đa năng	Máy chiếu trình chiếu không dây 4000 lumens	Tất cả các ngành
8		Màn chiếu 150"	Tất cả các ngành
9		Bàn lớp học đa năng 450x1400	Tất cả các ngành
10		Hệ thống điều khiển đa phương tiện	Tất cả các ngành
11	Giảng đường giắt cấp	Máy chiếu công suất lớn (hệ 2 chiếc)	Tất cả các ngành
12		Màn chiếu 150" (2 màn)	Tất cả các ngành
13		Máy chiếu vật thể	Tất cả các ngành
14		Hệ thống điều khiển đa phương tiện	Tất cả các ngành
15	Thư viện	Thiết bị trả và phân loại sách tự động	Tất cả các ngành
16		Hệ thống mượn sách tự động	Tất cả các ngành
17		Thiết bị khử khuẩn sách	Tất cả các ngành
18		Màn hình tra cứu thông tin	Tất cả các ngành
19		Bàn dán nhãn, xử lý tài liệu	Tất cả các ngành
20	Thư viện – Phòng Ghi hình một nút	Camera ghi hình	Tất cả các ngành
21		Máy chiếu siêu gần	Tất cả các ngành
22		Đèn chiếu chuyên dụng	Tất cả các ngành
23		Bảng viết xuyên sáng	Tất cả các ngành
24		Hệ thống đa phương tiện ghi âm ghi hình	Tất cả các ngành
25	Thư viện – Phòng Ghi hình bán chuyên nghiệp	Camera ghi hình treo trần	Tất cả các ngành
26		Camera ghi hình di động và hệ giá đỡ	Tất cả các ngành
27		Đèn chiếu chuyên dụng	Tất cả các ngành
28		Máy tính xử lý	Tất cả các ngành
29		Hệ thống đa phương tiện ghi âm ghi hình	Tất cả các ngành

30	Thư viện – Phòng máy tính	Máy tính iMac	Tất cả các ngành
31	Thư viện – Phòng tự	Máy in 3D và máy tính	Tất cả các ngành
32	trải nghiệm và sản	Máy quay 360 độ	Tất cả các ngành
33	xuất học liệu	Kính thực tế ảo và máy tính kèm theo	Tất cả các ngành

**(Các phòng sau đang làm và sẽ hoàn thiện toàn bộ khi khai giảng vào tháng 10/2020)**

**Trung tâm mô phỏng của khối ngành Khoa học sức khỏe**

STT	Tên	Danh mục trang thiết bị chính	Phục vụ ngành/nhóm ngành/khối ngành đào tạo
1	<b>Trung tâm mô phỏng</b>	<b>Hệ thống mô phỏng y khoa</b>	Y khoa
2	Phòng Mô phỏng Hồi sức cấp cứu kết hợp mổ	Hệ thống trục khuỷu (Pendent)	Y khoa
3		Hệ thống khí y tế trung tâm	Y khoa
4		Hệ đèn mổ	Y khoa
5		Hệ thống mô phỏng chỉ số sinh tồn	Y khoa
6		Giường hồi sức cấp cứu	Y khoa
7		Mô hình mô phỏng bệnh nhân	Y khoa
8		Màn hình chuyên dụng 65 inch phục vụ giảng dạy	Y khoa
9		Hệ thống đa phương tiện (ghi âm, ghi hình và điều khiển)	Y khoa
10		Phòng Mô phỏng Cấp cứu	Hệ thống khí y tế đầu giường
11	Xe cấp cứu mô phỏng		Y khoa
12	Giường hồi sức cấp cứu		Y khoa
13	Mô hình mô phỏng bệnh nhân		Y khoa
14	Hệ thống mô phỏng chỉ số sinh tồn		Y khoa
15	Màn hình chuyên dụng 55inch và 65 inch phục vụ giảng dạy		Y khoa
16	Hệ thống đa phương tiện (ghi âm, ghi hình và điều khiển)		Y khoa
17	Phòng thực hành kỹ năng y khoa	Hệ thống khí y tế đầu giường	Y khoa
18		Mô hình mô phỏng bệnh nhân	Y khoa
19		Màn hình chuyên dụng 65 inch phục vụ giảng dạy	Y khoa
20		Bàn nâng hạ phục vụ đào tạo kỹ năng	Y khoa
21		Hệ thống đa phương tiện (ghi âm, ghi hình và điều khiển)	Y khoa
22	Phòng thực hành kỹ năng điều dưỡng	Hệ thống khí y tế đầu giường	Điều dưỡng
23		Mô hình mô phỏng bệnh nhân	Điều dưỡng
24		Màn hình chuyên dụng 65 inch phục vụ giảng dạy	Điều dưỡng

1.2.Thống kê về học liệu (giáo trình, học liệu, tài liệu, sách tham khảo... sách, tạp chí, kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

<b>TT</b>	<b>Khối ngành đào tạo/ Nhóm ngành</b>	<b>Số lượng</b>
1	Khối ngành I	
2	Khối ngành II	
3	Khối ngành III	137
4	Khối ngành IV	16
5	Khối ngành V	
6	Khối ngành VI	307
6	Khối ngành VII	

**1.3.Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học**

- Xem phụ lục 01 kèm theo

**1.4.Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh trình độ đại học**

- Xem phụ lục 02 kèm theo

### **III. Các thông tin của năm tuyển sinh**

**1. Tuyển sinh chính quy trình độ Đại học chính quy (không bao gồm liên thông chính quy từ TC, CD lên ĐH, ĐH đối với người có bằng ĐH; từ TC lên CD, CD ngành Giáo dục Mầm non đối với người có bằng CD)**

#### **1.1.Đối tượng tuyển sinh**

- Thí sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) hoặc tương đương

#### **1.2.Phạm vi tuyển sinh:**

- Việt Nam và nước ngoài

#### **1.3. Phương thức tuyển sinh**

- Xét tuyển kết hợp phỏng vấn đánh giá năng lực, không sử dụng kết quả kỳ thi THPT Quốc gia.

- Cụ thể: Sơ tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT và các thành tích học tập, ngoại khóa của thí sinh, kết hợp với phỏng vấn đánh giá năng lực để xét trúng tuyển.

- Thí sinh được xét tuyển chỉ được công nhận trúng tuyển chính thức và đủ điều kiện làm thủ tục nhập học khi đã có bằng hoặc quyết định tốt nghiệp THPT hợp lệ.

**1.4. Chỉ tiêu tuyển sinh:** Chỉ tiêu theo Ngành/ Nhóm ngành/ Khối ngành, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

a) Thông tin danh mục ngành được phép đào tạo: Ghi rõ số, ngày ban hành quyết định chuyển đổi tên ngành của cơ quan có thẩm quyền hoặc quyết định của trường (nếu được cho phép tự chủ) đối với Ngành trong Nhóm ngành, Khối ngành tuyển sinh, theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo theo quy định của pháp luật:

TT	Tên ngành	Mã ngành	Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Ngày tháng năm ban hành Số quyết định mở ngành hoặc chuyển đổi tên ngành (gần nhất)	Trường tự chủ QĐ hoặc Cơ quan có thẩm quyền cho phép	Năm bắt đầu đào tạo
1	Quản trị kinh doanh	7340101	1211/QĐ-BGDĐT	18/05/2020		2020
2	Y khoa	7720101	1212/QĐ-BGDĐT	18/05/2020		2020
3	Điều dưỡng	7720301	1520/QĐ-BGDĐT	11/6/2020		2020
4	Khoa học máy tính	7480101	1521/QĐ-BGDĐT	11/6/2020		2020
5	Bất động sản	7340116	2443/QĐ-BGDĐT	26/08/2020		2020
6	Kỹ thuật cơ khí	7520103	2444/QĐ-BGDĐT	26/08/2020		2020
7	Kỹ thuật điện	7520201	2445/QĐ-BGDĐT	26/08/2020		2020
8	Quản trị khách sạn	7810201	2446/QĐ-BGDĐT	26/08/2020		2020
9	Bác sĩ nội trú - Nhi khoa - Ngoại khoa - Nhi khoa	62721655 62720750 62722050		21/7/2020	3175/QĐ-BYT	2020

b) Chỉ tiêu tuyển sinh đối với từng ngành/ nhóm ngành/ khối ngành tuyển sinh; theo từng phương thức tuyển sinh và trình độ đào tạo

TT	Ngành học	Mã ngành	Chỉ tiêu (dự kiến)		Tổ hợp môn xét tuyển 1		Tổ hợp môn xét tuyển 2		Tổ hợp môn xét tuyển 3		Tổ hợp môn xét tuyển 4	
			Xét theo KQ thi THPT	Theo phương thức khác	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính	Mã tổ hợp	Môn thi chính
1	Các ngành đào tạo đại học											
1.1	Quản trị kinh doanh	7340101		100								
1.2	Bất động sản	7340116		71								

1.3	Quản trị khách sạn	7810201		120								
1.4	Kỹ thuật Điện-Điện tử	7520201		80								
1.5	Kỹ thuật Cơ khí	7520103		96								
1.6	Khoa học Máy tính	7480101		100								
1.7	Y khoa	7720101		60								
1.8	Điều dưỡng	7720301		60								
1.9	Bác sĩ nội trú	62721655 62720750 62722050		22								

### 1.5. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện nhận hồ sơ ĐKXT

Quá trình sơ tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT và ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào như sau:

- Đối với các ngành thuộc nhóm ngành sức khỏe (Y khoa và Điều dưỡng), ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Đối với các ngành còn lại: kết quả học tập năm lớp 10 và 11 đạt học lực từ loại khá trở lên. (Đối với các chương trình Tú tài quốc tế - IB; A level .v.v thì quy đổi tương đương)

### 1.6. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành của trường: mã số trường, mã số ngành, tổ hợp xét tuyển và quy định chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp; các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển...

- **Mã số trường: VIN**
- Trường Đại học VinUni có định hướng là nơi đào tạo nhân tài của tương lai theo 3 dòng sự nghiệp chính sau:
  - **Doanh nhân xuất sắc:** khởi nghiệp và kiến tạo các sản phẩm dịch vụ, thương hiệu đẳng cấp được xã hội tin dùng và công nhận trên trường quốc tế;
  - **Nhà khoa học tầm vóc:** có các phát minh sáng chế mang tính đột phá, dẫn dắt đổi mới với sự phát triển khoa học công nghệ, kinh tế xã hội, sức khỏe cộng đồng... mang lại giá trị tích cực cho cuộc sống nhân loại và được giới khoa học thế giới công nhận;
  - **Chuyên gia đầu ngành:** sở hữu kỹ năng vượt trội, hiếm có trong lĩnh vực khoa học công nghệ, khoa học sức khỏe, kinh doanh quản lý... được các doanh nghiệp, tổ chức xã hội uy tín trong và ngoài nước tìm kiếm, chiêu mộ và trọng dụng.
- Theo đó, khi tuyển sinh, Trường Đại học VinUni tìm kiếm những tài năng có tố chất vượt trội, tư duy sáng tạo và mong muốn mãnh liệt kiến tạo nên những ý tưởng, công trình, sản phẩm xuất sắc, nhằm mang lại các giá trị tốt đẹp cho cuộc sống, con người. Trường xét tuyển dựa trên các nhóm tiêu chí AACC, cụ thể như sau:
  - **Có tố chất thông minh vượt trội (Outstanding Ability – A):**
    - Là tố chất được thí sinh thể hiện qua thành tích học tập, khả năng tính toán, xử lý thông tin, khả năng sử dụng ngôn ngữ và trí tưởng tượng...
    - Cụ thể thí sinh cần có học lực giỏi, xuất sắc hoặc có tiềm năng phát triển vượt bậc. Ưu tiên các học sinh có thành tích, giải thưởng cấp quốc gia/quốc tế hoặc có tài năng / năng lực đặc biệt trong các lĩnh vực: Khoa học kỹ thuật, Công nghệ thông tin, Khoa học sức khỏe và Khoa học xã hội, thể thao, nghệ thuật, lãnh đạo. Thí sinh cần có năng lực tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu cụ thể của chương trình đào tạo.
  - **Có tâm trong nhận thức (Aspiration – A):**



- Là tiêu chí liên quan đến sự quan tâm của thí sinh đến các vấn đề lớn của cộng đồng, xã hội, Việt nam, thế giới... và có khát vọng mãnh liệt tìm cách giải quyết các vấn đề đó;
- Cụ thể thí sinh thể hiện mình có ước mơ thay đổi cuộc sống của chính mình và người xung quanh, vươn lên mạnh mẽ thoát khỏi hoàn cảnh đói nghèo hoặc tạo ra những cơ hội lớn chưa từng có cho xã hội hoặc có tâm hồn nhân ái, tham gia dẫn dắt các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng hoặc biết cách gây ảnh hưởng thuyết phục người khác giúp đỡ những người có hoàn cảnh khó khăn hơn... Các ước mơ khát vọng có thể già dặn hơn so với bạn bè cùng trang lứa.
- **Sáng tạo trong cách nghĩ (Creativity – C):**
  - Là tiêu chí liên quan đến khả năng có các tư duy khác biệt, tò mò tìm hiểu tận gốc vấn đề, chấp nhận mạo hiểm, có khả năng xoay xở và thích ứng với thay đổi, cởi mở với các ý tưởng và cách giải quyết mới chưa từng có trước đây;
  - Cụ thể thí sinh thể hiện mình có cách suy nghĩ khác biệt, có cách giải quyết vấn đề khác biệt hoặc có trí tò mò, biết đặt câu hỏi, biết chủ động khám phá, không đơn giản máy móc dựa vào các câu trả lời mẫu hoặc có tư duy mạch lạc, trình bày vấn đề rõ ràng, biết bảo vệ chính kiến một cách logic và khách quan.
- **Quyết tâm cam kết mãnh liệt trong hành động (Commitment – C):**
  - Là tiêu chí liên quan đến khả năng có niềm tin sâu sắc ở việc mình làm và khả năng mình sẽ làm được, có ý chí kiên định và khả năng tập trung cao độ cả trí lực, thể lực để theo đuổi đến cùng vấn đề mình quan tâm. Sẵn sàng tự thử nghiệm và thuyết phục người khác cùng thử nghiệm;
  - Cụ thể thí sinh thể hiện đức tính kiên cường, quyết tâm, không sẵn sàng bỏ cuộc ngay cả với các mục tiêu rất khó khăn hoặc giữ uy tín với những điều mình đã nói, cam kết làm cho bằng được những gì mình đã hứa hoặc sẵn sàng tập trung hết sức mình để thực hiện mục tiêu hoặc lời hứa, luôn cố gắng hết mình, tìm mọi con đường xoay xở để đạt kết quả tốt nhất trong bất kỳ hoàn cảnh khó khăn nào.

### **1.7. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian; hình thức nhận hồ sơ ĐKXT/thi tuyển; các điều kiện xét tuyển/thi tuyển, tổ hợp môn thi/bài thi đối với từng ngành đào tạo...**

#### **Kế hoạch tuyển sinh**

- Thí sinh đăng ký xét tuyển theo các đợt thông báo trên website của Trường.
- Thời gian nhận hồ sơ: 6/6/2020 – 15/7/2020.
- Thời gian phỏng vấn (dự kiến): từ 1/7/2020 đến trước ngày 15/8/2020
- Thời gian công bố kết quả xét tuyển: dự kiến trước ngày 30/8/2020.
- Thời gian thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học: dự kiến trước ngày 30/8/2020.

- Thí sinh trúng tuyển xác nhận nhập học phải nộp bản gốc giấy chứng nhận kết quả thi THPT.

### **Bộ hồ sơ xét tuyển**

- Thí sinh điền đầy đủ nội dung đơn đăng kí đăng kí trực tuyến trên trang Tuyển sinh của VinUni <https://vinuni.force.com>
- Chỉ những hồ sơ nộp qua Hồ sơ trực tuyến trên trang Tuyển sinh của VinUni <https://vinuni.force.com> mới được chấp nhận.
- Thí sinh chịu trách nhiệm về tính xác thực của các thông tin trong hồ sơ đăng ký xét tuyển. Trường Đại học VinUni có thể từ chối tiếp nhận hoặc buộc thôi học nếu thí sinh không đảm bảo các điều kiện trúng tuyển khi đối chiếu thông tin trong hồ sơ đăng ký xét tuyển với hồ sơ gốc.

### **Yêu cầu trình độ tiếng Anh theo học tại VinUni**

- Thí sinh cần đạt các tiêu chuẩn về năng lực tiếng Anh theo yêu cầu của từng ngành đào tạo khi nhập học chính thức.

### **1.8. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển (không áp dụng)**

### **1.9. Lệ phí xét tuyển/thi tuyển:**

- Các thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển năm 2020 được miễn hoàn toàn lệ phí xét tuyển.

### **1.10. Học phí dự kiến:**

- Học phí áp dụng cho năm học 2020-2021 là 815.850.000 VND/năm.

### **1.11. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)**

#### **Nhập học**

- Thí sinh trúng tuyển phải xác nhận nhập học trong thời hạn do trường quy định. Quá thời hạn này, thí sinh không xác nhận nhập học được hiểu là từ chối nhập học và trường được xét tuyển thí sinh khác.

#### **Chính sách học bổng**

- Tất cả sinh viên trúng tuyển sẽ được hỗ trợ ít nhất 35% học phí niên yết, trong thời gian học tập chính thức và áp dụng theo các quy định hiện hành tại trường.
- Các loại học bổng và hỗ trợ tài chính bao gồm:
  - Học bổng Tài năng (merit-based): bao gồm Học bổng Toàn phần (100% học phí và sinh hoạt phí); Học bổng 100% học phí; Học bổng 90% học phí.
  - Hỗ trợ tài chính (need based): mức 50%, 70% và 80% học phí.
- Thí sinh tham khảo các quy định liên quan tại cổng thông tin chính thức của Trường.

**Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt bổ sung trong năm: tháng 10 và tháng 12.**

Trên đây là Đề án tuyển sinh năm 2020 của Trường Đại học VinUni, trong quá trình thực hiện, căn cứ tình hình thực tế, Trường Đại học VinUni sẽ có phương án điều chỉnh phù hợp và công khai kịp thời trên trang thông tin điện tử của Trường.

**Cán bộ kê khai**

**HIỆU TRƯỞNG**

Ngày xác nhận:

Ngày báo cáo bổ sung: 31/08/2020

**PHỤ LỤC**

(Kèm theo Đề án tuyển sinh trình độ đại học năm 2020)

**Phụ lục 01: Danh sách giảng viên cơ hữu chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học**

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ chuyên môn	Chuyên môn đào tạo	Giảng dạy môn chung	Ngành/ trình độ chủ trì giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh			
							Cao đẳng		Đại học	
							Mã ngành	Tên ngành	Mã ngành	Tên ngành
1	Anupama Devendrakumar	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế	x				
2	Billy Michael Wheeler	Nam		Tiến sĩ	Triết học	x				
3	Bùi Hải Hưng	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính			7480101		Khoa học máy tính
4	Bùi Văn Thắng	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện			7720301		Điều dưỡng
5	Chữ Đức Hoàng	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử			7480101		Khoa học máy tính
6	Đặng Thị Thanh Tùng	Nữ		Thạc sĩ	Tâm lý			7720301		Điều dưỡng
7	Daniel Peter Ruelle	Nam		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
8	Đào Thành	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng			7720301		Điều dưỡng
9	Đoàn Mai Phương	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học (Vi sinh)			7720101		Y khoa

10	Dương Bá Cường	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin				7480101	Khoa học máy tính
11	Hà Phạm Đoan Trang	Nữ		Tiến sĩ	Xã hội học				7340101	Quản trị kinh doanh
12	Hoàng Anh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin				7480101	Khoa học máy tính
13	Hoàng Thị Thu Hương	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện				7720301	Điều dưỡng
14	Huỳnh Đình Chiến	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Y học (Nội khoa) chuyên ngành miễn dịch				7720101	Y khoa
15	Lê Cự Linh	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Y học (Y tế công cộng), Tin học				7720101	Y khoa
16	Lê Quang Hưởng	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện				7720301	Điều dưỡng
17	Lê Thị Hường	Nữ		Tiến sĩ	Khoa học Y học				7720101	Y khoa
18	Lê Tiến Anh	Nam		Tiến sĩ	Công nghệ thông tin và viễn thông				7480101	Khoa học máy tính
19	Lê Văn Quỳnh	Nam		Tiến sĩ	Vật lý				7480101	Khoa học máy tính
20	Lê Vũ Quân	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Kinh tế				7340101	Quản trị kinh doanh
21	Lê Xuân Đại	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
22	Lương Thị Cẩm Tú	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
23	Lưu Tiến Thành	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính				7480101	Khoa học máy tính
24	Mạc Đăng Khoa	Nam		Tiến sĩ	Xử lý tín hiệu				7480101	Khoa học máy tính

25	Maurizio Trevisan	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Y tế công cộng				7720101	Y khoa
26	Ngô Đức Thọ	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
27	Nguyễn Đắc Nghĩa	Nam		Tiến sĩ	Y học (Ngoại khoa)				7720101	Y khoa
28	Nguyễn Đăng Quang	Nam		Tiến sĩ	Chuỗi cung ứng và vận hành				7340101	Quản trị kinh doanh
29	Nguyễn Đăng Tuân	Nam		Tiến sĩ	Y học (Hồi sức cấp cứu)				7720101	Y khoa
30	Nguyễn Hoàng Long	Nam		Tiến sĩ khoa học	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
31	Nguyễn Hoàng Việt	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
32	Nguyễn Hồng Hà	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
33	Nguyễn Ngọc Sao	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý bệnh viện				7720301	Điều dưỡng
34	Nguyễn Thị Bình	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
35	Nguyễn Thị Thu Nhài	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				7340101	Quản trị kinh doanh
36	Nguyễn Thu Hoài	Nữ		Thạc sĩ	Y khoa				7720301	Điều dưỡng
37	Nguyễn Văn Đĩnh	Nam		Tiến sĩ	Y học (Nội khoa) chuyên ngành miễn dịch				7720101	Y khoa
38	Nguyễn Văn Huy	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính				7480101	Khoa học máy tính
39	Phạm Anh Sơn	Nam		Thạc sĩ	Khoa học máy tính				7480101	Khoa học máy tính
40	Phạm Thanh Hào	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị nhân sự				7340101	Quản trị kinh doanh
41	Phạm Văn Trường	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng

42	Phùng Nam Lâm	Nam		Tiến sĩ	Y học (Hồi sức cấp cứu)				7720101	Y khoa
43	Stephen Jeffrey Lindhorst	Nam		Thạc sĩ	Tiếng Anh	x				
44	Tạ Xuân Khiêm	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ thông tin				7480101	Khoa học máy tính
45	Tô Minh Hương	Nữ		Tiến sĩ	Y học (Sản phụ khoa)				7720101	Y khoa
46	Trần Anh Cường	Nam		Thạc sĩ	Điều dưỡng/Quản lý bệnh viện				7720301	Điều dưỡng
47	Trần Phương Lan	Nữ		Tiến sĩ	Kinh tế				7340101	Quản trị kinh doanh
48	Trần Thị Dụ Chi	Nữ		Tiến sĩ	Sinh lý học và Sinh học cơ thể - Quần thể - Tương tác				7720101	Y khoa
49	Trần Thị Phương Thúy	Nữ		Tiến sĩ	Y học (Truyền nhiễm)				7720101	Y khoa
50	Trần Thùy Dương	Nữ		Thạc sĩ	Điều dưỡng				7720301	Điều dưỡng
51	Trương Công Duẩn	Nam		Tiến sĩ	Y học (Huyết học)				7720101	Y khoa
52	Võ Sỹ Nam	Nam		Tiến sĩ	Khoa học máy tính				7480101	Khoa học máy tính
53	Vũ Anh Dũng	Nam	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị điều hành quốc tế				7340101	Quản trị kinh doanh
54	Vũ Văn Minh	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật viên phục hồi chức năng/ Quản lý bệnh viện				7720301	Điều dưỡng
55	Zarrin Seema Siddiqui	Nữ	Phó giáo sư	Tiến sĩ	Giáo dục Y khoa				7720101	Y khoa
56	Lê Mai Lan	Nữ		Tiến sĩ	Quản lý giáo dục	x				

57	Phạm Ngọc Nam	Nam	Phó Giáo Sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật điện, điện tử				7520201	Kỹ thuật điện
58	Đỗ Danh Cường	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện, điện tử				7520201	Kỹ thuật điện
59	Nguyễn Viết Tú	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện (hệ thống và lý thuyết truyền thông)				7520201	Kỹ thuật điện
60	Ngô Hoàng Anh	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện, điện tử				7520201	Kỹ thuật điện
61	Trương An Bình	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật máy tính				7520201	Kỹ thuật điện
62	Cao Quang Hoàng	Nam		Thạc sĩ	Công nghệ điện tử viễn thông				7520201	Kỹ thuật điện
63	Nguyễn Quý Hà	Nam		Tiến sĩ	Điện, điện tử - xử lý tín hiệu số				7520201	Kỹ thuật điện
64	Đoàn Ngọc Sơn	Nam		Thạc sĩ	Vật liệu và linh kiện Nano				7520201	Kỹ thuật điện
65	Vũ Văn Sang	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật điện tử				7520201	Kỹ thuật điện
66	Lê Lương Vỹ	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật điện tử - Khoa học máy tính				7520201	Kỹ thuật điện
67	Doumanidis Charalabos Constantinos	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Kỹ thuật Cơ khí				7520103	Kỹ thuật cơ khí
68	Đỗ Thọ Trường	Nam		Tiến sĩ	Kỹ thuật Cơ khí				7520103	Kỹ thuật cơ khí
69	Nguyễn Quốc Tuấn	Nam		Tiến sĩ	Cơ khí_Vật liệu				7520103	Kỹ thuật cơ khí
70	Lê Anh Tuấn	Nam		Thạc sĩ	Cơ điện tử				7520103	Kỹ thuật cơ khí
71	Hoàng Anh Tài	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật cơ khí				7520103	Kỹ thuật cơ khí



72	Nguyễn Hữu Hào	Nam		Thạc sĩ	Cơ điện tử				7520103	Kỹ thuật cơ khí
73	Trịnh Xuân Trường	Nam		Thạc sĩ	Kỹ khí hóa tổng hợp				7520103	Kỹ thuật cơ khí
74	Trần Nam Cường	Nam		Thạc sĩ	Chế tạo máy				7520103	Kỹ thuật cơ khí
75	Đình Công Huy	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật Cơ khí				7520103	Kỹ thuật cơ khí
76	Phạm Minh Quân	Nam		Thạc sĩ	Kỹ thuật Cơ khí và Hàng không				7520103	Kỹ thuật cơ khí
77	Rohit Verma	Nam	Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị kinh doanh				7810201	Quản trị Khách sạn
78	Lương Bá Hưng	Nam		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn quốc tế				7810201	Quản trị Khách sạn
79	Trịnh Vân Khanh	Nữ		Thạc sĩ	Quan hệ Công chúng Quốc tế				7810201	Quản trị Khách sạn
80	Vũ Đặng Yến Hằng	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				7810201	Quản trị Khách sạn
81	Phạm Thị Ngọc Dung	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				7810201	Quản trị Khách sạn
82	Lê Phương Huyền Linh	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học Quản trị Kinh doanh Chuyên ngành Marketing kết hợp thực hành nâng cao				7810201	Quản trị Khách sạn
83	Chung Khánh Hoàng Nam	Nam		Thạc sĩ	Cải tiến và Marketing Du lịch				7810201	Quản trị Khách sạn
84	Đào Khánh Vân	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh, Quản trị Nhân sự, Quản trị Kinh doanh Quốc tế & Marketing				7810201	Quản trị Khách sạn

85	Phạm Hồng Trang	Nữ		Thạc sĩ	Marketing				7810201	Quản trị Khách sạn
86	Hoàng Hồ Quang	Nam		Thạc sĩ	Quản trị kinh doanh				7810201	Quản trị Khách sạn
87	Cáp Mai Liên	Nữ		Thạc sĩ	Quản trị khách sạn				7810201	Quản trị Khách sạn
88	Sunmee Choi	Nữ	Giáo sư	Tiến sĩ	Quản trị khách sạn				7810201	Quản trị Khách sạn
89	Lăng Trọng Bách	Nam		Thạc sĩ	Quản lý đô thị và Công trình				7340116	Bất động sản
90	Phạm Khánh Linh	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý, đầu tư Bất động sản				7340116	Bất động sản
91	Vũ Quỳnh Anh	Nữ		Thạc sĩ	Xây dựng cầu đường bộ				7340116	Bất động sản
92	Lê Thị Thu Huyền	Nữ		Thạc sĩ	Kinh tế				7340116	Bất động sản
93	Nguyễn Văn Hanh	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Xây dựng				7340116	Bất động sản
94	Ngô Thế Công	Nam		Thạc sĩ	Quản trị Kinh doanh Quốc tế				7340116	Bất động sản
95	Lê Bình Tâm	Nam		Thạc sĩ	Xây dựng				7340116	Bất động sản
96	Lê Ngọc Phương	Nữ		Thạc sĩ	Khoa học quản lý và công trình				7340116	Bất động sản
97	Trần Đức Minh	Nam		Thạc sĩ	Quản lý Bất Động Sản				7340116	Bất động sản
98	Cao Thị Kim Nhung	Nữ		Thạc sĩ	Quản lý Tài chính				7340116	Bất động sản
99	Bùi Thanh Hạnh	Nữ		Thạc sĩ	Phát triển Quốc tế				7340116	Bất động sản
100	Trần Thị Thu Hoài	Nữ		Thạc sĩ	Kế toán Quốc tế				7340116	Bất động sản

**Phụ lục 02: Danh sách giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy và tính chỉ tiêu tuyển sinh – trình độ đại học**

TT	Họ và tên	Giới tính	Chức danh khoa học	Trình độ	Giảng dạy môn chung	Chuyên môn được đào tạo	Mã ngành	Tên ngành	Thâm niên công tác (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)	Tên doanh nghiệp (bắt buộc với các ngành ưu tiên mà trường đăng ký đào tạo)
1	Nguyễn Thị Thanh Hương	Nữ		Tiến sĩ khoa học		Điều dưỡng	7720301	Điều dưỡng		
2	Nguyễn Ngọc Đính	Nam		Thạc sĩ		Phân tích Tài chính	7810201	Quản trị Khách sạn		
3	Vũ Kim Ngân	Nữ		Tiến sĩ	x	Luật và Kinh tế quốc tế				
4	Phạm Tiến Đạt	Nam	Phó Giáo sư	Tiến sĩ		Tài chính – Ngân hàng	7340116	Bất động sản		